

Số: *2908* /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày *01* tháng *11* năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án  
Nhà máy sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ,  
quả Andros Asia của Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn  
thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của  
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định  
số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung  
một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ  
môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động  
môi trường dự án Nhà máy sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả  
Andros Asia, tổng công suất 22.500 tấn sản phẩm/năm tại Biên bản phiên họp chính  
thức của Hội đồng thẩm định (Hội đồng họp vào ngày 09 tháng 6 năm 2021);*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất  
mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia, tổng công suất 22.500  
tấn sản phẩm/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 01/CVCS  
ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
3948/TTr-STNMT ngày 21 tháng 10 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà  
máy sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia, tổng  
công suất 22.500 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng



Phát thực hiện tại ấp Hưng Phú, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, thị xã Gò Công và Tổng giám đốc Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát căn cứ Quyết định thi hành. / *Như*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ TN&MT;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, Nguyên. *han*

*fb*

**KT. CHỦ TỊCH** *Wuuu*  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Phạm Văn Trọng*



## PHỤ LỤC

### Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia (tổng công suất 22.500 tấn sản phẩm/năm)

(Kèm theo Quyết định số 2908 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

#### 1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Nhà máy Sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia, tổng công suất 22.500 tấn sản phẩm/năm.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát.

- Địa điểm thực hiện dự án: Ấp Hưng Phú, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Quy mô/công suất: Tổng công suất 22.500 tấn sản phẩm/năm.

- Công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất trái cây đông IQF: Nguyên liệu → Ủ chín (nếu cần) → Phân loại và kiểm tra → Rửa nguyên liệu → Sơ chế nguyên liệu → Rửa lại lần 2 → Tạo hình → Kiểm tra → Cấp đông IQF → Dò kim loại → Đóng gói bao PE → Đóng thùng carton → Trữ hàng kho lạnh → Xuất bán.

+ Quy trình sản xuất puree trái cây đông lạnh: Nguyên liệu → Rửa → Chần và nghiền trái → Chần và nghiền trái → Tách vỏ, cuống, hạt → Ly tâm (máy Decanter) → Bồn chứa trung gian → Bào khí → Lọc → Đồng hoá → Gia nhiệt → Thanh trùng → Chiết rót và đóng gói → Cấp đông kho/trữ đông → Xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất trái cây tằm đường (kẹo, mứt): Trái cây sau khi đã sơ chế → Kiểm tra → Chần nguyên liệu → Thêm đường → Làm mát → Dò kim loại → Chiết rót → Đóng Gói → Lưu kho chờ xuất.

- Các hạng mục công trình chính:

+ Nhà xưởng chế biến, văn phòng hành chính, nhà thu mua, khu bảo quản trái cây, khu sản xuất, hệ thống kho lạnh, khu máy và lò hơi điện, khu kỹ thuật, kho vật tư, khu vực bể chứa nước.

+ Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà nghỉ nhân viên và văn phòng, nhà ăn, nhà nghỉ giám đốc, bãi đậu xe, khu vực bể và bơm nước chữa cháy, đường nội bộ, cây xanh.

+ Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 150 m<sup>2</sup>, kho chứa chất thải nguy hại diện tích 50 m<sup>2</sup>.





## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

### a) Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Bụi và khí thải: phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, từ quá trình thi công xây dựng (quá trình san gạt mặt bằng, đào đắp đất; các phương tiện thi công; quá trình chà nhám hoàn thiện các hạng mục; quá trình hàn trong hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị,...).

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân, nước thải từ hoạt động thi công xây dựng.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải xây dựng và chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải từ quá trình tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, thành phẩm, từ các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực dự án.

+ Mùi hôi phát sinh từ khu vệ sinh, khu vực lưu chứa chất thải, khu vực xử lý nước thải.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ các công đoạn rửa nguyên liệu trái cây, vệ sinh dụng cụ sản xuất, dụng cụ chứa chất thải rắn từ quá trình sản xuất (vỏ, cuống, hạt,...), nhà xưởng.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại từ quá trình sản xuất.

+ Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

### b) Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước thải xây dựng: Lưu lượng phát sinh khoảng 02 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải xây dựng chủ yếu là chất rắn lơ lửng, cát, sạn, dầu mỡ khoáng.

+ Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh khoảng 2,25m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng Coliforms..

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh khoảng 27m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng Coliforms.



+ Nước thải sản xuất: Phát sinh từ các công đoạn rửa nguyên liệu, vệ sinh dụng cụ sản xuất, dụng cụ chứa chất thải từ quá trình sản xuất (vỏ, cuống, hạt,...), nhà xưởng; tổng lưu lượng khoảng 794 m<sup>3</sup>/ngày. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải khoảng: pH: 4,9, BOD<sub>5</sub>: 232 mg/l, COD: 480 mg/l, TSS: 221 mg/l, tổng dầu mỡ khoáng: 6,4 mg/l, Sunfua: 1,23 mg/l, Amoni: 0,60 mg/l, tổng Nitơ: 4,12 mg/l, tổng Photpho: 0,18 mg/l, Coliform: 2,8 x 10<sup>4</sup> MPN/100ml.

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị có chứa các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, VOC,...

+ Bụi và khí thải từ quá trình thi công xây dựng (quá trình san gạt mặt bằng, đào đắp đất; các phương tiện thi công; quá trình chà nhám hoàn thiện các hạng mục; quá trình hàn trong hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị,...) có chứa các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO,...

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải từ quá trình tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, thành phẩm, từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực dự án có chứa các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO,...

+ Mùi hôi phát sinh từ khu vệ sinh, khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường, hệ thống xử lý nước thải có chứa các thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>,...

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các loại thực phẩm thải bỏ, vỏ đồ hộp, giấy thải,....

+ Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 3.600 kg trong toàn quá trình thi công. Thành phần chủ yếu gồm: sắt thép vụn, xi măng, cát rơi vãi, bao bì đựng vật liệu thải, que hàn, gỗ thải...

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 300 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn thừa, giấy vụn, bao nylon, vỏ lon, chai thủy tinh thải,....

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng phát sinh khoảng 20 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: vỏ, hạt, cùi, cuống của trái cây, trái cây hư hỏng, sản phẩm loại, bao bì thải,....



đ) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 400 kg trong toàn quá trình xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm: Bóng đèn thải, giẻ lau dính dầu mỡ, thùng chứa dầu nhớt thải, dầu nhớt thải, sơn thải, cặn sơn thải,...

- Giai đoạn vận hành: Khối lượng phát sinh khoảng 300 kg/tháng. Thành phần chất thải chủ yếu gồm: Hộp mực in thải, bóng đèn thải, các loại thủy tinh hoạt tính thải, bao bì cứng bằng kim loại thải, giẻ lau, vải dính dầu mỡ, các loại dầu mỡ thải,...

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

a) Về thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí khoảng 02 nhà vệ sinh di động để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt. Khi bể tự hoại đầy sẽ thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Được thu gom dẫn vào bể lắng có thể tích khoảng 04 m<sup>3</sup> để lắng cát sạn, chất rắn lơ lửng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và xử lý sơ bộ bằng 06 bể tự hoại 03 ngăn, tổng thể tích khoảng 180 m<sup>3</sup>, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 900 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý theo quy định.

+ Nước thải sản xuất: Được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Quy trình xử lý như sau: Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều lưu + Nước thải sinh hoạt → Bể SBR (bể bùn hoạt tính) → Bể khử trùng → Kênh Bển Xe.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, hệ số K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>r</sub> = 1,0).

b) Về thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Được nêu tại mục 3.1.2.1 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông, hoạt động tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, thành phẩm: Được nêu tại mục 3.3.2.1 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ nhà vệ sinh, khu vực tập trung chất thải rắn, khu vực xử lý nước thải: Được nêu tại mục 3.3.2.1 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn



- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Phân định, phân loại, lưu giữ vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh của dự án, bảo đảm các yêu cầu vệ sinh môi trường, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

+ Bố trí khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 150 m<sup>2</sup>.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn triển khai xây dựng: Toàn bộ chất thải nguy hại được phân định, phân loại và lưu giữ trong các thùng lưu chứa chất thải nguy hại; phối hợp với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 50m<sup>2</sup>. Thực hiện quản lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

đ) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Được nêu tại mục 3.1.2.2 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giai đoạn vận hành dự án: Được nêu tại mục 3.3.2.2 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

e) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Định kỳ bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, phát hiện và kịp thời có biện pháp khắc phục. Khi xảy ra sự cố không thể khắc phục ngay thì tạm ngưng các hoạt động sản xuất, đến khi khắc phục xong mới tiến hành hoạt động sản xuất trở lại, không xả nước thải chưa xử lý đạt quy định ra nguồn tiếp nhận.



- Sự cố khác: Được nêu tại mục 3.3.2.3 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

TT	Tên hạng mục, công trình	Số lượng
1	Bể tự hoại 03 ngăn	06 bể, tổng thể tích 180 m <sup>3</sup>
2	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 900m <sup>3</sup> /ngày.đêm	01
3	Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích 150 m <sup>2</sup>	01
4	Kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 50 m <sup>2</sup>	01

#### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng dự án

- Giám sát chất thải rắn:

+ Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, phân loại.

+ Vị trí giám sát: tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường và khu lưu trữ chất thải nguy hại.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/05/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Giám sát nước thải hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

- Vị trí, thông số, tần suất giám sát: Đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý với thông số quan trắc là thông số ô nhiễm chính đã được sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn được quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, hệ số K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>f</sub> = 1,0).

c) Giai đoạn vận hành thương mại

- Giám sát nước thải:



- + Vị trí: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- + Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, chất rắn lơ lửng, Amoni (tính theo N), tổng Nito, tổng Photpho (tính theo P), Clo dư, Coliform.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, hệ số K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>f</sub> = 1,0).
- Giám sát chất thải rắn:
  - + Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, phân loại.
  - + Vị trí giám sát: tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và khu lưu trữ chất thải nguy hại.
  - + Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

#### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, an toàn trong hoạt động sản xuất, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án./.